

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2024
XÃ PHƯỚC GIANG, TỈNH QUẢNG NGÃI

Phước Giang, năm 2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC GIANG**
Số: 91/BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Phước Giang, ngày 29 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KIỂM KÊ NĂM 2024

- Thực hiện Luật Đất đai năm 2024 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31//2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

- Nghị Quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính các xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai năm 2024;

- Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024”;

- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Công văn số 9344/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 6237/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 619/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 24/01/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 08/BNMT-QLĐĐ ngày 05/3/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thuyết minh nhu cầu điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 và đẩy nhanh tiến độ kiểm kê đất đai năm 2024;

- Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024;

- Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Định mức Kinh tế - Kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Công văn số 5531/UBND-KTN ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Công văn số 3945/UBND-KTN ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 4007/UBND-KTN ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 5149/UBND-KTN ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện kiểm kê đất đai chuyên đề năm 2024;

- Công văn số 590/UBND-KTN ngày 05/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 1183/UBND-KTN ngày 05/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thuyết minh nhu cầu điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 và đẩy nhanh tiến độ kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 6080/STNMT-VPĐKĐ ngày 03/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2024;

- Công văn số 6950/STNMT-VPĐKĐ ngày 12/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định;

- Công văn số 3950/STNMT-QLĐĐ ngày 19/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 các xã, thị trấn và huyện Nghĩa Hành;

- Công văn số 279/UBND ngày 13/02/2025 về việc chủ trương thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Nghĩa Hành;

- Công văn số 3617/SNNMT-VPĐKĐ ngày 10/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc khẩn trương thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp xã;

- Công văn số 3947/BNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính;

- Công văn số 116/UBND-NNMT ngày 08/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các xã sau khi sắp xếp đơn vị hành chính;

- Công văn số 485/SNNMT-QLĐĐ ngày 16/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Công văn số 1593/UBND-NNMT ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI; TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA, THU THẬP SỐ LIỆU KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI, NGUỒN GỐC SỐ LIỆU THU THẬP TẠI CẤP THỊ TRẤN VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỘ TIN CẬY CỦA SỐ LIỆU THU THẬP

I. Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội

1. Điều kiện tự nhiên

a) Vị trí địa lý:

Xã Phước Giang được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích và dân số của các xã Hành Dũng, Hành Nhân và Hành Minh, thuộc huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 vào năm 2025, tiếp giáp với các xã sau:

- Phía Đông giáp: Xã Nghĩa Hành và xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi.
- Phía Tây giáp: Xã Trà Giang và xã Sơn Mai, tỉnh Quảng Ngãi.
- Phía Nam giáp: Xã Thiện Tín và xã Sơn Mai, tỉnh Quảng Ngãi.
- Phía Bắc giáp: Xã Nghĩa Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Tổng diện tích tự nhiên là 5.701,12 ha, chiếm 0,38% diện tích tự nhiên của tỉnh.

* Tổng diện tích tự nhiên của xã: 5.701,12 ha, cơ cấu các loại đất như sau:

- Nhóm đất nông nghiệp: 4.810,54 ha, chiếm 84,38% diện tích tự nhiên;
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 814,42 ha, chiếm 14,29% diện tích tự nhiên;
- Nhóm đất chưa sử dụng: 76,17 ha, chiếm 1,34% diện tích tự nhiên.

b) Địa hình

Xã Phước Giang là vùng chuyển tiếp từ trung du đồi núi phía Tây sang đồng bằng phía Đông, địa hình thấp dần từ Tây sang Đông Bắc, cấu trúc đa dạng: có đồi núi, trung du và đồng bằng ven sông.

Vùng đồng bằng nằm ở phía Đông Bắc của xã, chiếm khoảng 50% diện tích tự nhiên, có địa hình bằng phẳng, đất phù sa ven sông, thuận lợi trồng lúa, hoa màu, đất ở. Tuy nhiên dễ ngập úng vào mùa mưa; Phía Tây Nam là vùng trung du, gò đồi chiếm khoảng 30% diện tích tự nhiên, có độ cao từ 30–150m, độ dốc trung bình 8–15°, phù hợp trồng keo, cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày; phía Tây là vùng núi cao chiếm khoảng 20% diện tích tự nhiên, có độ cao từ 200–650m, có đỉnh Kỳ Lân, độ dốc lớn (20–25°), đất lâm nghiệp, cây lâu năm, chưa sử dụng.

Có các con sông lớn như sông Vệ và sông Cầu Dài, đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước.

c) Khí hậu:

Khí hậu: có đặc trưng chung của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa khu vực Duyên hải Nam Trung bộ. Mùa khô từ tháng 2 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 1 năm sau.

Bên cạnh đó, thường chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các cơn bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt, các đợt rét và gió mùa Đông Bắc (*thường xảy ra từ tháng 9 năm trước đến tháng 3 năm sau*).

- Nhiệt độ không khí trung bình năm: $28,5^{\circ}\text{C}$ (*trong đó nhiệt độ trung bình trong tháng mưa $24,5^{\circ}\text{C}$, trung bình trong tháng nắng là $32,5^{\circ}\text{C}$ và chỉ giao động từ $1-2^{\circ}\text{C}$*).

- Số giờ nắng trung bình năm trên: 2.000 giờ.

- Tổng lượng bức xạ từ 1.400-1.500 Kcal/năm.

- Độ ẩm không khí trung bình năm: 80%.

- Lượng mưa: Tổng lượng mưa trung bình năm 2300 mm; mưa tập trung vào tháng 9, tháng 10 và tháng 11, trong những tháng này lượng mưa chiếm 80% lượng mưa của cả năm.

- Về chế độ gió: có 2 hướng gió chính: là gió mùa Đông Nam và gió mùa Đông Bắc; ngoài ra còn chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam mang theo hơi nóng thổi vào.

- Bão: trong khoảng từ 3 đến 4 năm chịu ảnh hưởng trực tiếp của 01 cơn bão, hoặc áp thấp nhiệt đới và thường gây ra mưa lớn kèm theo lũ lụt.

Các yếu tố khí hậu thời tiết có nhiều thuận lợi cho sản xuất và đời sống dân cư. Bên cạnh những mặt thuận lợi, các thông số về khí hậu thời tiết cũng phản ánh khó khăn lớn nhất là tình trạng xảy ra bão và lũ lụt xảy ra phá hoại mùa màng, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nhân dân .

d) Thủy văn:

- Hệ thống sông, kênh, mương:

- + Sông Phước Giang: Chảy qua phía Tây và trung tâm xã (trên địa bàn các xã Hành Nhân và Hành Minh cũ). Là một nguồn nước mặt quan trọng, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.

- + Sông Giăng: Phân bố ở phía Bắc và trung tâm xã (Hành Nhân cũ), góp phần điều tiết lưu lượng nước, hỗ trợ tưới tiêu.

- + Sông Vệ: Chảy qua phía Đông Bắc (Hành Dũng cũ). Là dòng chảy lớn, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp nhưng có nguy cơ gây lũ lụt vào mùa mưa.

- + Kênh chính Nam Thạch Nham: Chảy qua phía Đông xã (Hành Nhân cũ), thuộc hệ thống thủy lợi lớn của tỉnh Quảng Ngãi, đảm bảo cung cấp nước ổn định cho sản xuất.

- + Hệ thống kênh mương nội đồng: Phân bố khá dày, trải đều khắp 3 vùng xã, giúp tưới tiêu chủ động, hạn chế phụ thuộc vào thời tiết.

- Nguồn nước mặt: Phong phú, gồm 3 sông chính và kênh Thạch Nham.
- Nguồn nước ngầm: Ổn định, chất lượng tốt, độ sâu khai thác từ 6–10m.
- Hệ thống thủy lợi: Phát triển, có khả năng điều tiết nước mùa vụ.
- Vấn đề cần lưu ý: Quản lý lũ lụt mùa mưa và đảm bảo nước tưới ổn định mùa khô.

2. Kinh tế - xã hội

Tổng giá trị sản xuất năm 2024 ước đạt 869,703 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm, tốc độ tăng trưởng cao trên 11,0%. Trong đó: Giá trị nông – lâm – thủy sản ước đạt 268,038 tỷ đồng, đạt 100% so kế hoạch năm, chiếm 30,8% tổng giá trị; Công nghiệp - xây dựng ước đạt 273,367 tỷ đồng, đạt 100% so kế hoạch năm, chiếm 31,4% tổng giá trị; Thương mại - dịch vụ ước đạt 292,735 tỷ đồng, đạt 100% so kế hoạch năm, chiếm 33,8% tổng giá trị. Cơ cấu kinh tế xã Phước Giang tương đối cân bằng giữa ba lĩnh vực, trong đó dịch vụ chiếm ưu thế nhẹ.

Ước tính thu nhập bình quân toàn xã Phước Giang khoảng 57–58 triệu đồng/người/năm, tùy theo phân bố dân cư cụ thể.

II. Tình hình tổ chức thực hiện:

UBND xã phối hợp với đơn vị tư vấn tổ chức cuộc họp tại địa phương để tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ làm công tác kiểm kê đất đai và đề ra kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn, thành lập tổ kiểm kê thực hiện đầy đủ nội dung và tiến độ đúng theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*).

III. Phương pháp thực hiện kiểm kê đất đai:

Kỳ kiểm kê đất đai năm 2024 sau sắp xếp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thực hiện trên cơ sở kế thừa phương pháp kiểm kê 2024 trước sắp xếp và kiểm kê năm 2019. Việc kiểm kê đất đai ở cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính được thực hiện trên cơ sở tổng hợp, tiếp biên bản đồ kiểm kê đất đai đã được thực hiện trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2024 theo đơn vị hành chính cấp xã trước sắp xếp để tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Số liệu cấp xã được xử lý, tổng hợp lập các biểu quy định của Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bằng phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai được nâng cấp, hoàn thiện phục vụ kiểm kê đất đai 2024.

1. Phương pháp điều tra, thu thập số liệu kiểm kê đất đai năm 2024

- Thu thập hồ sơ, tài liệu, dữ liệu ranh giới, địa giới đơn vị hành chính cấp xã mới theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập các

xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố và của cấp tỉnh mới sau sắp xếp đơn vị hành chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hồ sơ, tài liệu kiểm kê đất đai năm 2024, gồm: Bản đồ kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, hệ thống biểu, ... của cấp xã trước sắp xếp;

- Tài liệu, bản đồ thể hiện địa giới của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp;

- Bản đồ địa chính;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019;

- Bản đồ kiểm kê đất đai năm 2019, thống kê đất đai năm 2020, 2021, 2022; 2023;

- Số liệu kiểm kê đất 2014, 2019;

- Số liệu thống kê đất đai các năm 2020, 2021, 2022, 2023.

- Hồ sơ địa chính, hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, hồ sơ đăng ký biến động đất đai, hồ sơ thanh tra, kiểm tra sử dụng đất, kết quả thống kê đất đai của 05 năm gần nhất, kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất hai kỳ trước đó và các hồ sơ, tài liệu đất đai khác có liên quan;

- Bản đồ trích lục các công trình, dự án đã thực hiện từ năm 2020-2024.

- Các loại hồ sơ, số liệu, tài liệu, bản đồ khác có liên quan.

Các tài liệu thu thập được đảm bảo độ tin cậy, có cơ sở pháp lý; được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Các tài liệu trước khi sử dụng đều được kiểm tra, đánh giá so với mục đích, yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo đủ điều kiện mới đưa vào thực hiện.

2. Phương pháp thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024

2.1. Phương pháp lập bản đồ kiểm kê:

Trên cơ sở xác định nguồn tài liệu sử dụng để thực hiện kiểm kê đất đai, xã đã hoàn thiện đường địa giới hành chính sau sắp xếp đơn vị hành chính; trên cơ sở gộp, tiếp biên, chuẩn hoá với địa giới đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp; xử lý tiếp biên, khớp nối các khoanh đất và đối tượng khác của bản đồ; chuẩn hoá phân lớp; màu và các yếu tố nội dung bản đồ tổng hợp, tiếp biên bản đồ kiểm kê đất đai đã được thực hiện trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2024 theo đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp.

2.2. Phương pháp tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai:

Áp dụng công nghệ thông tin để thực hiện số hóa vào phần mềm kiểm kê để tổng hợp đầy đủ, chính xác số liệu kiểm kê để tổng hợp thành để lập các Biểu:

- + Biểu 01/TKKK: để tổng hợp chung về diện tích các loại đất theo đối tượng sử dụng đất và theo đối tượng được giao quản lý đất;

+ Biểu 02/TKKK: để tổng hợp chi tiết số lượng người sử dụng đất, người được giao quản lý đất theo từng loại đất;

+ Biểu 04/TKKK: để tính toán chi tiết cơ cấu về diện tích các loại đất theo đối tượng sử dụng đất và đối tượng được giao quản lý đất;

+ Biểu 05/TKKK: để xác định việc tăng hoặc giảm diện tích các loại đất trong năm thống kê đất đai, trong kỳ kiểm kê đất đai.

2.3. Phương pháp, công nghệ thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất:

2.3.1. Cơ sở toán học:

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất được lập dưới dạng số, hệ toạ độ quốc gia VN-2000, sử dụng lưới chiếu hình trụ ngang đồng góc với múi chiếu 3^0 có hệ số điều chỉnh tỷ lệ biến dạng chiều dài $k_0 = 0,9999$. Kinh tuyến trục $108^000'$;

- Các thông số của file chuẩn của bản đồ hiện trạng sử dụng đất như sau:
Đơn vị làm việc (Working Units): đơn vị làm việc chính (Master Units) là mét (m); đơn vị làm việc phụ (Sub Units) là mm; độ phân giải (Resolution) là 1000.

2.3.2. Nội dung thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất gồm:

- Cơ sở toán học gồm khung bản đồ, lưới kilomet, lưới kinh vĩ tuyến, chú dẫn, trình bày ngoài khung và các nội dung có liên quan;

- Đường địa giới hành chính các cấp;

- Ranh giới các khoanh đất;

- Địa hình;

- Thủy hệ và các đối tượng có liên quan;

- Giao thông và các đối tượng có liên quan;

- Các yếu tố kinh tế, xã hội;

- Các ghi chú, thuyết minh.

2.3.3. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thành lập trên cơ sở biên tập, tổng hợp, khái quát hoá từ bản đồ kiểm kê đất đai:

- Mức độ tổng hợp, khái quát hoá phải tương ứng với tỷ lệ bản đồ, trong đó khuyến khích thể hiện mã loại đất chi tiết. Ranh giới khoanh đất và các yếu tố hình tuyến được khái quát hoá, làm trơn;

- Trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất chỉ thể hiện mã loại đất;

- Khoanh đất thể hiện trên bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1:2.000 đến 1:25.000. Trường hợp khoanh đất có diện tích nhỏ hơn theo quy định trên thì được ghép vào các khoanh đất lớn hơn liền kề.

- Các yếu tố hình tuyến có chiều dài dưới 2 cm trên bản đồ thì được phép loại bỏ, yếu tố hình tuyến có độ rộng dưới 0,5 mm trên bản đồ được biên tập thành 1 nét theo tâm của yếu tố đó.

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất được lập trên cơ sở biên tập, tổng hợp, khái quát hóa nội dung của bản đồ kiểm kê đất đai quy định tại Điều 18 Thông tư 08/2024/TT-BTNMT.

2.4. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và phân tích tình hình biến động đất đai:

- Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo các chỉ tiêu kiểm kê; đánh giá tình hình biến động và phân tích nguyên nhân biến động về sử dụng đất giữa năm kiểm kê với số liệu của kỳ kiểm kê gần nhất; đánh giá tình hình chưa thống nhất về đường địa giới hành chính thực hiện trong kỳ kiểm kê đất đai (nếu có).

- Xây dựng số liệu kiểm kê đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, phân tích đánh giá biến động đất đai, lập báo cáo thuyết minh theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

PHẦN II

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT THEO CÁC CHỈ TIÊU KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI; NGUYÊN NHÂN BIẾN ĐỘNG VỀ SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NĂM KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI VỚI SỐ LIỆU CỦA 2 KỲ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

I. Kết quả kiểm kê đất đai

1. Hiện trạng sử dụng đất:

Tổng diện tích tự nhiên của xã đến ngày 31/12/2024 là 5.701,12 ha.

Trong đó:

* Tổng diện tích tự nhiên của xã: 5.701,12 ha, cơ cấu các loại đất như sau:

- Nhóm đất nông nghiệp: 4.810,54 ha, chiếm 84,38% diện tích tự nhiên;
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 814,42 ha, chiếm 14,29% diện tích tự nhiên;
- Nhóm đất chưa sử dụng: 76,17 ha, chiếm 1,34% diện tích tự nhiên.

2. Cơ cấu diện tích theo mục đích sử dụng đất và đối tượng sử dụng quản lý:

2.1. Cơ cấu diện tích theo mục đích sử dụng:

Tổng diện tích tự nhiên (DTTN): 5.701,12 ha, cụ thể từng loại đất như sau:

- **Nhóm đất nông nghiệp (NNP):** 4.810,54 ha, chiếm 84,38% so với DTTN.

Trong đó:

- + Đất trồng lúa: 812,41 ha, chiếm 14,25% so với DTTN;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 1.299,37 ha, chiếm 22,79% so với DTTN;
- + Đất trồng cây lâu năm: 641,45 ha, chiếm 11,25% so với DTTN;
- + Đất rừng sản xuất: 2.054,74 ha, chiếm 36,04% so với DTTN;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,46 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;
- + Đất chăn nuôi tập trung: 2,11 ha, chiếm 0,04% so với DTTN;
- **Nhóm đất phi nông nghiệp:** 814,42 ha, chiếm 14,29% so với DTTN.

Trong đó:

- + Đất ở tại nông thôn: 291,37 ha, chiếm 5,11% so với DTTN;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 1,11 ha, chiếm 0,02% so với DTTN;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 17,59 ha, chiếm 0,31% với DTTN;

trong đó:

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 4,16 ha, chiếm 0,07% so với DTTN;
- Đất xây dựng cơ sở y tế: 0,35 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo: 6,83 ha, chiếm 0,12% so với DTTN;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao: 6,25 ha, chiếm 0,11% so với DTTN;

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 17,45 ha, chiếm 0,31% so với DTTN;

- Đất cụm công nghiệp: 10,17 ha, chiếm 0,18% so với DTTN.

- Đất thương mại, dịch vụ: 1,30 ha, chiếm 0,02% so với DTTN.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 5,99 ha, chiếm 0,11% so với DTTN.

+ Đất có mục đích công cộng: 295,88 ha, chiếm 5,19% so với DTTN; trong đó:

- Đất giao thông: 158,30 ha, chiếm 2,78% so với DTTN;

- Đất thủy lợi: 124,28 ha, chiếm 2,18% so với DTTN;

- Đất công trình cấp thoát nước: 0,30 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: 0,58 ha, chiếm 0,01% so với DTTN;

- Đất công trình xử lý chất thải: 9,20 ha, chiếm 0,16% so với DTTN;

- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,12 ha;

- Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,06 ha;

- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 1,10 ha, chiếm 0,02% so với DTTN;

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 1,94 ha, chiếm 0,03% so với DTTN;

+ Đất tôn giáo: 1,30 ha, chiếm 0,02% so với DTTN;

+ Đất tín ngưỡng: 2,02 ha, chiếm 0,04% so với DTTN;

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT: 99,82 ha, chiếm 1,75 % so với DTTN;

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 87,12 ha, chiếm 1,54% so với DTTN;

- Đất phi nông nghiệp khác: 0,13 ha.

- **Nhóm đất chưa sử dụng:** 76,17 ha, chiếm 1,34% so với DTTN.

Trong đó:

+ Đất do Nhà nước thu hồi theo Quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê: 52,63 ha, chiếm 0,92% với DTTN;

+ Đất bằng chưa sử dụng: 20,85 ha, chiếm 0,37 % với DTTN;

+ Đất có mặt nước chưa sử dụng: 2,69 ha, chiếm 0,05% với DTTN.

2.2. Cơ cấu diện tích theo đối tượng sử dụng, quản lý đất:

Cơ cấu theo đối tượng sử dụng đất được trình bày ở Biểu 04/TKKK. Trong 5.701,12 ha đất tự nhiên bằng 100,00% thì Hộ gia đình, cá nhân trong nước (CNV) sử dụng 4.517,15 ha bằng 79,23% DTTN; Tổ chức kinh tế (TKT) sử dụng 17,36 ha bằng 0,30% DTTN; Cơ quan, đơn vị của Nhà nước (TCN) sử dụng

dụng 236,58 ha bằng 4,15% DTTN; Đơn vị sự nghiệp công lập (TSN) sử dụng 7,18 ha bằng 0,13% DTTN; Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (TTG) sử dụng 1,30 ha bằng 0,02% DTTN; Cộng đồng dân cư (CDS) sử dụng 2,02 ha bằng 0,04% DTTN; Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân (TCQ) quản lý 685,75 ha bằng 12,03% DTTN; Đơn vị sự nghiệp công lập (TSQ) quản lý 233,79 ha bằng 4,10% DTTN.

2.3. Cơ cấu diện tích theo đối tượng sử dụng đất:

- Đối với Cá nhân trong nước(CNV):

+ Diện tích nhóm đất nông nghiệp: 4.235,47 ha, chiếm 88,05% so với diện tích đất nông nghiệp;

+ Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp: 281,68 ha, chiếm 34,59% so với diện tích đất phi nông nghiệp;

- **Đối với Tổ chức kinh tế (TKT):** Diện tích đất phi nông nghiệp: 17,36 ha, chiếm 2,13% so với diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đối với Cơ quan, đơn vị của Nhà nước (TCN):

+ Diện tích nhóm đất nông nghiệp: 114,24 ha, chiếm 2,38% so với diện tích đất nông nghiệp;

+ Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp: 122,34 ha, chiếm 15,02% so với diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đối với Đơn vị sự nghiệp công lập (TSN):

+ Diện tích đất phi nông nghiệp: 7,18 ha, chiếm 0,13% so với diện tích đất phi nông nghiệp;

- **Đối với Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (TTG):** Diện tích đất phi nông nghiệp: 1,30 ha, chiếm 0,16% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

- **Đối với Cộng đồng dân cư (CDS):** 2,02 ha, chiếm 0,25% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

2.4. Cơ cấu diện tích theo đối tượng quản lý:

- Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân (TCQ):

+ Diện tích đất nông nghiệp: 289,15 ha, chiếm 6,01% so với diện tích đất nông nghiệp;

+ Diện tích đất phi nông nghiệp: 370,67 ha, chiếm 45,51% so với diện tích đất phi nông nghiệp;

+ Diện tích đất chưa sử dụng: 25,93 ha, chiếm 34,04% so với diện tích đất chưa sử dụng.

- Đơn vị sự nghiệp công lập (TSQ):

+ Diện tích đất nông nghiệp: 171,68 ha, chiếm 3,57% so với diện tích đất nông nghiệp;

+ Diện tích đất phi nông nghiệp: 11,87 ha, chiếm 1,46% so với diện tích đất phi nông nghiệp;

+ Diện tích đất chưa sử dụng: 50,24 ha, chiếm 65,96% so với diện tích đất chưa sử dụng.

II. Đánh giá tình hình biến động và phân tích nguyên nhân biến động về sử dụng đất so với kiểm kê đất đai năm 2019:

Tổng diện tích tự nhiên kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là: 5.702,26 ha.

Tổng diện tích tự nhiên kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là: 5.701,12 ha.

Như vậy, tổng diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với tổng diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,14 ha.

1. Nhóm đất nông nghiệp (NNP):

Tổng diện tích đất nông nghiệp kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024: 4.810,54 ha.

Tổng diện tích đất nông nghiệp kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019: 4.882,12 ha.

Như vậy, diện tích đất nông nghiệp toàn xã kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 giảm 71,58 ha, chi tiết theo số liệu chuyển các loại đất cụ thể như sau:

1.1 Đất trồng lúa (LUA):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 812,41 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 839,30 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 26,89 ha, trong đó:

+ Giảm 8,00 ha do chuyển sang đất ở nông thôn trong đó 7,43 ha để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành và 0,57 ha do chuyển sang đất ở nông thôn để thực hiện dự án Khu dân cư Thày Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân;

+ Giảm 0,12 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở văn hóa để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,78 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định; Khu tái định cư đồng An Sơn;

+ Giảm 0,53 ha do chuyển sang đất thương mại, dịch vụ để thực hiện công trình khu tái định cư đồng An Sơn;

+ Giảm 4,94 ha do chuyển sang đất công trình giao thông để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 1,39 ha do chuyển sang đất công trình thủy lợi để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,29 ha do chuyển sang đất công trình xử lý chất thải để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,51 ha do chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 14,17 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê trong đó 8,76 ha để xây dựng công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích); 4,52 ha để thực hiện công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích và 0,89 ha để xây dựng công trình Cầu Hành Dũng - Hành Nhân, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất;

+ Tăng khác 3,83 ha do điều chỉnh lại diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

1.2. Đất trồng cây hằng năm khác (HNK):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 1.299,37 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1.284,89 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 14,48 ha, trong đó:

+ Giảm 1,67 ha do chuyển sang đất chăn nuôi tập trung để thực hiện công trình Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp và trồng cây ăn quả;

+ Giảm 8,55 ha do chuyển sang đất ở nông thôn trong đó 6,73 ha để thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân, 1,22 ha để thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân và 0,60 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định; khu tái định cư đồng An Sơn; di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,56 ha do chuyển sang đất công trình giao thông để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công

trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 3,77 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,03 ha ; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,23 ha ; đất công trình giao thông 1,96 ha ; đất công trình thủy lợi 0,13 ha ; đất công trình cấp nước, thoát nước 0,03 ha ; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 0,38 ha ; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,94 ha ; Đất phi nông nghiệp khác 0,07 ha để thực hiện Khu tái định cư Đồng Giá ;

+ Giảm 0,14 ha do chuyển sang đất công trình thủy lợi để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,13 ha do chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 19,66 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để xây dựng công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích), Đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025 (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích); Cầu Hành Dũng - Hành Nhân, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Tăng khác 48,95 ha do điều chỉnh lại diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

1.3. Đất trồng cây lâu năm (CLN):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 641,45 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 702,08 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 60,63 ha, trong đó:

+ Giảm 0,28 ha do chuyển sang đất ở nông thôn để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định;

+ Giảm 0,12 ha do chuyển sang đất công trình giao thông để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,70 ha do chuyển sang đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng ; đất cơ sở lưu trữ tro cốt;

+ Giảm 0,44 ha do chuyển sang đất chăn nuôi tập trung để thực hiện công trình Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp và trồng cây ăn quả;

+ Giảm 0,08 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp để xây dựng cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức.

+ Giảm 7,86 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để xây dựng công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích), đường bộ cao tốc Bắc - Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích); Cầu Hành Dũng - Hành Nhân, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Giảm khác 51,15 ha do điều chỉnh lại diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

1.4. Đất rừng sản xuất (RSX):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 2.054,74 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 2.051,55 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 3,19 ha, trong đó:

+ Giảm 10,07 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp để xây dựng cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức.

+ Tăng khác 13,25 ha do kết quả Rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn xã theo Quyết định 152 ngày 03/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Công bố hiện trạng rừng tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 nên có sự chênh lệch tăng khác như trên.

1.5. Đất nuôi trồng thủy sản (NTS):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,46 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,53 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,06 ha do do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để thực hiện công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích.

1.6. Đất chăn nuôi tập trung (CNT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 2,11 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,00 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 2,11 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 1,67 ha ; đất trồng cây lâu năm 0,44 ha để thực hiện công trình Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp và trồng cây ăn quả;

1.7. Đất nông nghiệp khác (NKH):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,00 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 3,77 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm khác so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 3,77 ha do điều chỉnh lại diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

2. Nhóm đất phi nông nghiệp (PNN):

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024: 814,42 ha.

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019: 787,11 ha.

Như vậy, diện tích đất phi nông nghiệp toàn xã kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 tăng 27,31 ha, chi tiết theo số liệu chuyển các loại đất cụ thể như sau:

2.1. Đất ở tại nông thôn (ONT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 291,37 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 277,43 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 13,94 ha, trong đó:

+ Giảm 4,14 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích); Cầu Hành Nhân - Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích);

+ Tăng 10,68 ha do lấy từ đất trồng lúa 8,00 ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,60 ha, đất trồng cây lâu năm 0,28 ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,62 ha; đất công trình giao thông 0,25 ha, đất công trình thủy lợi 0,23 ha, đất bằng chưa sử dụng 0,06 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,64 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành; Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân; Khu tái định cư Đồng Giá.

+ Tăng 7,95 ha do lấy từ đất trồng cây hằng năm khác sang đất ở nông thôn để thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân.

- + Giảm 0,02 ha do chuyển sang đất công trình giao thông;
- + Giảm khác 0,53 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

2.2. Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 1,11 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 2,34 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,23 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,90 ha; đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 0,33 ha.

2.3. Đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 4,16 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 4,08 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,08 ha, trong đó:

+ Tăng 0,17 ha do lấy từ các loại đất khác sang: Đất trồng lúa 0,12 ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,12 ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,02 ha để thực hiện công trình như: Khu tái định cư Đồng Giá, Di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành.

+ Giảm khác 0,09 ha do cập nhật lại theo ranh của cơ sở dữ liệu đất đai.

2.4. Đất xây dựng cơ sở y tế (DYT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,35 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,35 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 không biến động so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019.

2.5. Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 6,83 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 6,58 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,26 ha do chuyển 0,23 ha từ đất trồng cây hằng năm khác và 0,03 ha từ đất công trình giao thông.

2.6. Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (DTT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 6,25 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 5,31 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,94 ha, trong đó:

+ Tăng 0,80 ha do lấy đất trồng lúa 0,78 ha, đất công trình giao thông 0,01 ha, đất công trình thủy lợi 0,01 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn.

+ Tăng 0,9 ha lấy từ đất xây dựng trụ sở cơ quan.

+ Giảm 0,80 ha do chuyển sang đất ở nông thôn 0,62 ha, đất công trình giao thông 0,12 ha, đất công trình thủy lợi 0,03 ha và đất phi nông nghiệp khác 0,03 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư Đồng Giá.

+ Tăng khác 0,04 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

2.7. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (CSK):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 17,45 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 6,75 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 10,70 ha, trong đó:

2.7.1. Đất cụm công nghiệp (SKN):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 10,17 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,00 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 10,17 ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm 0,08 ha, đất rừng sản xuất 10,07 ha và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,02 ha để thực hiện công trình Cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức.

2.7.2. Đất thương mại, dịch vụ (TMD):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 1,30 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,74 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,56 ha do lấy đất trồng lúa 0,53 ha, đất công trình giao thông 0,01 ha ; đất bằng chưa sử dụng 0,01 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn.

+ Giảm khác 0,01 ha do điều chỉnh lại đúng hiện trạng sử dụng đất.

2.7.3. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) :

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 5,99 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 6,01 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,02 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp để thực hiện công trình Cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức.

2.8. Đất sử dụng vào mục đích công cộng (CCC):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 295,88 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 288,43 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 7,45 ha, trong đó:

2.8.1. Đất công trình giao thông (DGT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 158,30 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 155,08 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 3,22 ha, trong đó:

+ Tăng 2,43 ha do lấy mục đích từ các loại đất sau : Đất trồng cây hằng năm khác 1,96 ha ; đất ở tại nông thôn 0,02 ha ; đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,12 ha ; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,32 ha, đất phi nông nghiệp khác 0,01 ha để thực hiện Khu tái định cư Đồng Giá.

+ Giảm 1,47 do chuyển sang các loại đất sau : Đất ở tại nông thôn 0,09 ha ; đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,03 ha ; đất công trình thủy lợi 0,01 ha ; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,11 ha ; đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa thuê 1,23 ha để thực hiện các công trình như : Đường bộ cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 2021-2025, Khu tái định cư Đồng Giá, Cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức ;

+ Giảm 0,14 ha do chuyển sang đất ở nông thôn để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,01 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao;

+ Giảm 0,01 ha do chuyển sang đất thương mại, dịch vụ để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định;

+ Giảm 0,03 ha do chuyển sang đất công trình thủy lợi để thực hiện công trình công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,03 ha do chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 1,28 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để xây dựng công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích), đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích); Cầu Hành Nhân - Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích);

+ Tăng 6,56 ha do lấy từ đất trồng lúa 4,94 ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,56 ha, đất trồng cây lâu năm 0,12 ha, đất công trình thủy lợi 0,52 ha, Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,01 ha, đất bãi chưa sử dụng 0,41 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút

đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm khác 2,80 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

2.8.2. Đất công trình thủy lợi (DTL):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 124,28 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 122,42 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,86 ha, trong đó:

+ Giảm 0,23 ha chuyển sang đất ở tại nông thôn để thực hiện Khu tái định cư Đồng Giá; Khu tái định cư đồng An Định;

+ Giảm 1,63 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để thực hiện công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025, xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ; Cầu Hành Dũng - Hành Nhân tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích.

+ Tăng 1,74 ha do lấy từ đất trồng lúa 1,39 ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,27 ha, đất công trình giao thông 0,03 ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,03 ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,02 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, khu tái định cư đồng An Sơn và công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành; Khu tái định cư Đồng Giá.

+ Giảm 0,01 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao;

+ Giảm 0,53 ha do chuyển sang đất công trình giao thông để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Sơn, di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,01 ha do chuyển sang đất công trình xử lý chất thải để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,03 ha do chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng;

+ Tăng khác 2,55 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

2.8.3. Đất công trình cấp nước, thoát nước (DCT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,30 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,27 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,03 ha do chuyển từ đất trồng cây hằng năm khác thực hiện công trình Khu tái định cư Đồng Giá.

2.8.4. Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên (DDD):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,58 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,58 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 không biến động so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019.

2.8.5. Đất công trình xử lý chất thải (DRA):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 9,20 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 9,19 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,01 ha, trong đó:

+ Tăng 0,30 ha do lấy đất trồng lúa 0,29 ha, đất công trình thủy lợi 0,01 ha để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành.

+ Giảm khác 0,29 ha do điều chỉnh lại đúng hiện trạng sử dụng đất.

2.8.6. Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (DNL):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,12 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,12 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 không biến động so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019.

2.8.7. Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (DBV):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,06 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,05 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng khác so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,01 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

2.8.8. Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối (DCH):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 1,10 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,71 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,38 ha do lấy từ đất trồng cây hằng năm khác để thực hiện Khu tái định cư Đồng Giá.

2.8.8. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (DKV):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 1,94 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,00 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,94 ha, trong đó :

+ Tăng 1,89 ha do lấy từ đất trồng lúa 0,51 ha, đất trồng cây hằng năm khác 1,07 ha, đất công trình giao thông 0,14 ha, đất công trình thủy lợi 0,03 ha, đất bằng chưa sử dụng 0,02 ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,13 ha để thực hiện Khu tái định cư Đồng Giá, công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành.

+ Tăng khác 0,05 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

2.9. Đất tôn giáo (TON):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 1,30 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,30 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 không biến động so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019.

2.10. Đất tín ngưỡng (TIN):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 2,02 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 2,09 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,07 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để thực hiện công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích.

2.11. Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt (NTD):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 99,82 ha;
- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 100,49 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,67 ha, trong đó :

+ Giảm 0,01 ha do chuyển sang đất công trình giao thông để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Sơn.

+ Giảm 1,21 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích);

+ Tăng 0,70 ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm;

+ Giảm khác 0,14 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

2.12. Đất có mặt nước chuyên dùng (TVC):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 87,75 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 88,88 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,13 ha, trong đó :

2.12.1. Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 87,75 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 88,88 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,13 ha, trong đó:

+ Giảm 1,70 ha do chuyển sang các loại đất khác như : Đất ở tại nông thôn 0,64 ha ; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,02 ha ; đất công trình giao thông 0,32 ha ; đất công trình thủy lợi 0,02 ha ; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,13 ha ; đất phi nông nghiệp khác 0,01 ha ; đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 0,56 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư Đồng Giá, Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, Cầu Hành Nhân - Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích);

+ Tăng khác 0,56 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

2.13. Đất phi nông nghiệp khác (PNK):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,13 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,06 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,07 ha, trong đó:

+ Tăng 0,11 ha do lấy từ các loại đất sang như : Đất trồng cây hàng năm khác 0,07 ha, đất xây dựng công trình thể thao 0,03 ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,01 ha để thực hiện công trình Khu tái định cư Đồng Giá,...

+ Giảm khác 0,03 ha do điều chỉnh lại đúng hiện trạng sử dụng đất.

3. Nhóm đất chưa sử dụng (CSD):

Tổng diện tích đất chưa sử dụng kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024: 76,17 ha;

Tổng diện tích đất chưa sử dụng kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019: 36,15 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 40,02 ha, trong đó:

3.1. Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê (CGT):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 52,63 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,00 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 tăng so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 52,63 ha do chuyển mục đích từ các loại đất: Đất trồng lúa 14,17 ha ; đất trồng cây hằng năm khác 19,66 ha; đất trồng cây lâu năm 7,87 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,06 ha; đất ở tại nông thôn 4,14 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,33 ha ; đất công trình giao thông 2,51 ha; đất công trình thủy lợi 1,63 ha; đất tín ngưỡng 0,07 ha; Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1,21 ha, Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,56 ha, ; đất có mặt nước chưa sử dụng 0,31 ha đất bằng chưa sử dụng 0,12 ha để thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025; Cầu Hành Nhân - Hành Dũng; Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích.

3.2. Đất bằng chưa sử dụng (BCS):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 20,86 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 22,24 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 1,38 ha, trong đó:

+ Giảm 0,06 do chuyển sang đất ở tại nông thôn để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định, công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,01 do chuyển sang đất thương mại, dịch vụ để thực hiện công trình Khu tái định cư đồng An Định ;

+ Giảm 0,41 do chuyển sang đất công trình giao thông để thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành;

+ Giảm 0,02 do chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng;

+ Giảm 0,12 ha do chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

+ Giảm khác 0,76 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

3.3. Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 0,00 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 10,79 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm khác so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 10,79 ha do điều chỉnh diện tích đúng hiện trạng sử dụng đất.

3.4. Đất có mặt nước chưa sử dụng (MCS):

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 là 2,69 ha;

- Kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 3,12 ha.

Như vậy, diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024 giảm so với diện tích kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019 là 0,43 ha, trong đó:

+ Giảm 0,31 ha chuyển sang đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê để thực hiện công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam, giai đoạn 2021-2025, tuy nhiên đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích.

+ Giảm khác 0,12 ha do cập nhật lại ranh giới khoanh đất theo cơ sở dữ liệu đất đai để đúng hiện trạng sử dụng đất.

PHẦN III

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHƯA THỐNG NHẤT VỀ ĐƯỜNG ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TRONG KỲ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

Trên địa bàn xã trong kỳ kiểm kê đất đai 2024 không xảy ra tình hình tranh chấp địa giới hành chính với các xã lân cận.

PHẦN IV

ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CỦA XÃ

SAU KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Căn cứ Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hành Minh, Hành Dũng, Hành Nhân thành xã mới có tên gọi là xã Phước Giang, diện tích tự nhiên là 5.701,12 ha; theo số liệu địa giới hành chính mới tổng hợp.

Ngoài ra, khi thực hiện Kiểm kê đất đai năm 2024 thì các tài liệu để sử dụng trong kỳ này bao gồm: Bản đồ kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, hệ thống biểu, ... của cấp xã trước sắp xếp; tài liệu, bản đồ thể hiện địa giới của đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh sau sắp xếp. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất được lập trên cơ sở tiếp biên, tổng hợp, khái quát hóa nội dung của bản đồ kiểm kê đất đai của cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

PHẦN V

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT

1. Đề xuất, kiến nghị biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất:

- Áp dụng các chính sách pháp luật đất đai vào thực tế một cách sâu rộng, thể hiện trong các quyết định và các văn bản của địa phương áp dụng trong quá trình đăng ký, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Tiếp tục đẩy mạnh xu hướng sử dụng đất theo hướng của chuyên dịch cơ cấu kinh tế là: nâng cao tỷ trọng các loại đất phi nông nghiệp, giảm tỷ trọng đất nông nghiệp.
- Tuyên truyền phổ biến pháp luật đất đai đến người dân.
- Đưa các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của xã vào chỉ tiêu phát triển hàng năm để kiểm tra tiến độ và mức độ thực hiện.
- Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai.

2. Kết luận và kiến nghị

2.1. Kết luận:

Kiểm kê đất đai là công việc định kỳ 5 năm thực hiện theo quy định của Luật Đất đai. Nội dung và trình tự thực hiện được quy định cụ thể tại Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Công tác kiểm kê đất đai thực hiện nhanh, chất lượng đảm bảo theo quy định.

Qua kết quả kiểm kê đất đai cho thấy trong những năm qua UBND xã đã có những chủ trương và các biện pháp chỉ đạo kịp thời, đã tác động trực tiếp đến việc chuyển đổi một số diện tích đất phục vụ cho các mục đích mở rộng sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng của xã đã có những hiệu quả nhất định.

2.2. Kiến nghị:

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiệm thu sản phẩm kiểm kê đất đai để làm cơ sở triển khai thực hiện, thúc đẩy công tác quản lý và sử dụng đất của địa phương ngày càng đạt hiệu quả cao.

Trên đây là báo cáo thuyết minh kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của UBND xã Phước Giang.

Chân Văn Hiến